TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH** Số: 34 /2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bố Trạch, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Mỹ D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ 14, Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Hoàng Trọng B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Q.

Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Q, ngày 24/11/2020, số 37.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Cao Thị Mỹ D và anh Hoàng Trọng Bình;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh B và chị D thỏa thuận, thống nhất giao con Hoàng Cao Gia B, sinh ngày 25/3/2021 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị D không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Cấm chị anh B ngăn cản chị D quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

* Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D và anh B phải chịu án phí vụ kiện ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng); chị D thỏa thuận, tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai số 0002601 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị D và anh B đã nộp đủ án phí; chị D được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Hoàng Trọng B;
- Chị Cao Thị Mỹ D;
- Chi cục T.HADS huyện Bố Trạch;
-Ban Tư pháp xã C (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân